

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/01/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Hoàng Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đen

2. Ông Lê Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phục Hưng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 170/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2023, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 617/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 662C/2023/QĐST-DS ngày 22/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp Tr, xã Tr1, huyện T, Thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị đơn: Ông Phan Thanh Đ, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp Tr, xã Tr1, huyện T, Thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày: Do quen biết rồi được sự đồng ý của gia đình 02 bên nên bà và ông Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2006, đến năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân, huyện Cờ Đỏ (cũ). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên giữa năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nên đã sống ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc bên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Thanh Đ.

Về con chung: Có 03 người con chung Phan Thị Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 20/4/2007; Phan Thị Thúy L (nữ), sinh ngày 31/3/2015; Phan Thị Huỳnh N (nữ), sinh ngày 17/9/2021. Hiện các cháu đang sống chung với bà. Nay ly hôn bà yêu cầu được nuôi các cháu đến khi trưởng thành. Không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

Về nợ chung, tài sản chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Thanh Đ trình bày: Qua tìm hiểu và được sự đồng ý của gia

đình 02 bên nên ông và bà B tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2006, đến năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân, huyện Cờ Đỏ (cũ). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc tuy nhiên giữa năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nên đã sống ly thân cho đến nay. Nay bà Bích yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý do tôi còn thương vợ.

Về con chung: Có 03 người con chung Phan Thị Ngọc Tr, sinh ngày 20/4/2007; Phan Thị Thúy L, sinh ngày 31/3/2015; Phan Thị Huỳnh N, sinh ngày 17/9/2021. Hiện các cháu đang sống chung với bà B. Nay ly hôn ông không đồng ý giao con, tôi yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà B cấp dưỡng.

Về nợ chung, tài sản chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Đ, về con chung cháu Phan Thị Ngọc Tr, sinh ngày 20/4/2007; Phan Thị Thúy L, sinh ngày 31/3/2015 có nguyện vọng sống với bà nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, đối với cháu Phan Thị Huỳnh N, sinh ngày 17/9/2021 còn quá nhỏ nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung bà xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn không đồng ý ly hôn do còn tình cảm với bà B, về con chung ông yêu cầu được nuôi dưỡng các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết cho thấy, bà B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đ do phát sinh mâu thuẫn tình cảm vợ chồng, nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và bị đơn có địa chỉ tại huyện Thới Lai nên căn cứ các điều 28, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng thì bà B và ông Đ trình bày thống nhất là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, đồng thời cả hai xác nhận đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Ông Đ tuy không đồng ý ly hôn do còn tình cảm với bà B nhưng không có giải pháp nào để hàn gắn, mâu thuẫn càng trầm trọng hơn khi cả hai đã sống ly thân. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B.

[3] Về con chung: Ông Đ có nguyện vọng được nuôi dưỡng các cháu nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tuy nhiên, cháu Phan Thị Ngọc Tr, sinh ngày 20/4/2007; Phan Thị Thúy L, sinh ngày 31/3/2015 và cháu Phan Thị Huỳnh N, sinh ngày 17/9/2021 hiện tại do bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ cũng xác nhận việc này. Cháu Tr và cháu L có văn bản trình bày nguyện vọng muốn sống với bà B khi ông bà ly hôn, đây là ý chí của các cháu nên bà B phải có trách nhiệm tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành. Riêng cháu Phan Thị Huỳnh N, sinh ngày 17/9/2021 chưa tròn 36 tháng

tuổi nên để bà B trực tiếp nuôi dưỡng sẽ phù hợp hơn. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung do bà B không yêu cầu nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông, bà xác định không có nên không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị B được ly hôn với ông Phan Thanh Đ.

2. Về con chung: Giao các cháu Phan Thị Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 20/4/2007; Phan Thị Thúy L (nữ), sinh ngày 31/3/2015 và cháu Phan Thị Huỳnh N (nữ), sinh ngày 17/9/2021 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Đ không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông, bà khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*). Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005431 ngày 12/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Thới Lai;
- Chi cục THADS huyện Thới Lai;
- Đương sự;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Diệp Hoàng Giang